

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2021/DS-PT

Ngày: 07 - 4 - 2021

“V/v: Tranh chấp về đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất; tranh chấp về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú

Các Thẩm phán: Ông Hồ Văn Luông

Bà Võ Thị Phụng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khánh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Bà Nguyễn Thị Phương Lan - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 05 và 07 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 155/2020/TLPT-DS, ngày 08 tháng 12 năm 2020 về “Tranh chấp về đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất; tranh chấp về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 74/2020/DS-ST ngày 24 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 33A/2020/QĐ-PT ngày 24 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Võ T, sinh năm: 1984; địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện V, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn anh Võ T: Ông Trần Đ – là Luật sư của Văn phòng Luật sư T, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Hậu Giang (có mặt).

Bị đơn: 1. Ông Nguyễn T, sinh năm: 1963.

2. Bà Nguyễn Tr, sinh năm: 1963.

Cùng địa chỉ: Ấp S, xã B, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Tr: Ông Nguyễn T; địa chỉ: Ấp w, xã B, huyện V, tỉnh Hậu Giang theo Văn bản ủy quyền ngày 15/6/2017 (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các bị đơn: Ông Nguyễn L – là Luật sư của Công ty Luật A thuộc Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ - Chi nhánh Hậu Giang (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Văn Phòng Công chứng V (nay là Văn phòng Công chứng Bùi N); địa chỉ: Số A, đường N, khu vực S, phường F, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi N - Trưởng Văn phòng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi T, sinh năm 1956 theo Văn bản ủy quyền ngày 06/8/2017 (vắng mặt).

2. Anh Nguyễn Nh, sinh năm 1991; địa chỉ: Ấp A, thị trấn N, huyện V, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

3. Chị Phan Đ, sinh năm 1993; địa chỉ: Ấp B, thị trấn N, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện hợp pháp của chị Phan Đ: Anh Nguyễn Nh; địa chỉ: Ấp W, thị trấn N, huyện V, tỉnh Hậu Giang theo Văn bản ủy quyền ngày 06/11/2017 (có mặt).

4. Anh Bùi H, sinh năm 1985; địa chỉ: Ấp W, thị trấn N, huyện V, tỉnh Hậu Giang (vắng mặt).

5. Bà Nguyễn Đ, sinh năm 1963; địa chỉ: Ấp W, thị trấn N, huyện V, tỉnh Hậu Giang (vắng mặt).

6. Chị Hà D, sinh năm 1983; địa chỉ: Khu vực C, phường H, thành phố V, tỉnh Hậu Giang (vắng mặt).

7. Chị Nguyễn E, sinh năm 1982; địa chỉ: Ấp Z, xã B, huyện V, tỉnh Hậu Giang (vắng mặt).

8. Ông Phạm H, sinh năm 1974; địa chỉ: Ấp Z, xã B, huyện V, tỉnh Hậu Giang (vắng mặt).

9. Ông Nguyễn TH, sinh năm 1958; địa chỉ: Ấp Z, xã B, huyện V, tỉnh Hậu Giang (vắng mặt).

10. Ông Nguyễn D; địa chỉ: Ấp Z, xã B, huyện V, tỉnh Hậu Giang (vắng mặt)

11. Bà Nguyễn D1; địa chỉ: Ấp Z, xã B, huyện V, tỉnh Hậu Giang (vắng mặt).

12. Bà Nguyễn P, sinh năm 1960; địa chỉ: đường E, khu vực A, phường H, Tp V, tỉnh Hậu Giang (vắng mặt)

Do có kháng cáo của: Nguyên đơn anh Võ T; bị đơn ông Nguyễn T và bà Nguyễn Tr; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phan Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn anh Võ T trình bày: Vào tháng 9/2015, anh có gặp anh Nguyễn Nh và anh Nh có kêu anh bán đất và nhà của anh Nh, bao gồm 03 thửa: Thửa số 962 có diện tích 200m² (bao gồm đất và nhà ở), thửa số 963 có diện tích 760m² và thửa số 1173 có diện tích là 2.105m², các thửa đất đều tọa lạc tại ấp Z, xã B, huyện V, tỉnh Hậu Giang. Sau khi xem xét các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và nhà của anh Nh thì anh T cùng với anh Nh, vợ anh Nh là chị Phan Đ đến Văn phòng Công chứng V để ký kết Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vào ngày 31/8/2015. Việc lựa chọn phòng công chứng là do anh T lựa chọn với lý do muốn làm nhanh. Đến ngày 01/9/2015, anh T đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân huyện V để làm thủ tục chuyển nhượng, đến ngày 11/9/2015 thì hoàn tất thủ tục chuyển nhượng, các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do anh Nguyễn Nh đứng tên được biến động sang tên cho anh T (không cấp giấy mới). Phần đất chuyển nhượng hiện do ông T và bà Tr (mẹ anh Nh) đang sử dụng, ông T với bà Tr không giao đất. Do đó, ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc các bị đơn là ông Nguyễn T và bà Nguyễn Tr trả lại phần đất ông đã nhận chuyển nhượng của anh Nguyễn Nh, gồm ba thửa đất nêu trên.

Bị đơn ông Nguyễn T và bà Nguyễn Tr (do ông T đại diện) có yêu cầu phản tố trình bày: Ông là chồng bà Tr, là cha ruột của Nguyễn Nh. Phần đất mà Nh con ông chuyển nhượng cho anh T có nguồn gốc là của mẹ vợ ông là bà Võ H đứng tên, việc V tặng cho Nh quyền sử dụng đất là không hợp pháp, vì Nh bắt mẹ vợ ông lấn tay chứ mẹ ông đã lẩn. Vợ chồng ông cùng vợ chồng Nh sống cùng mẹ Võ H đến năm 2013 thì V mất. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của mẹ ông, do vợ chồng ông quản lý từ năm 1985 đến năm 2015, khi anh T đến đòi nhà và đất ông mới phát hiện là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Võ H đã bị Nh lấy để chuyển nhượng cho anh T. Do đó, ông phản tố yêu cầu Tòa án hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Võ H với Nguyễn Nh; hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Nguyễn Nh với Võ T;

hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất biến động sang tên cho Nguyễn Nh và anh Võ T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Nh và chị Phan Đ (do anh Nh đại diện), anh Nh có yêu cầu độc lập trình bày: Anh là con ông T và bà Tr, là chồng của Đ. Anh thừa nhận là vợ chồng anh có làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với anh Võ T tại Văn phòng Công chứng V. Tuy nhiên, thực tế các bên không có giao nhận tiền. Lý do của việc anh làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh T là vì vào khoảng năm 2011 anh có thiếu nợ tiền anh Bùi H khoảng 300 triệu đồng; sau đó anh có tham gia chơi hụi của anh H và hốt hụi để trả nợ, khi tổng kết còn nợ 280 triệu đồng thì không còn khả năng trả nữa. Đến năm 2015 anh H nói với anh Nh nếu không còn khả năng trả nợ thì giao bằng khoán đất cho anh H, nhưng anh H không trực tiếp nắm giữ bằng khoán mà nhờ Tân đòi số nợ này thông qua hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh Nh với anh T. Do bị anh H ép buộc, nên anh mới ký kết hợp đồng chuyển nhượng với anh T phần đất mà anh được bà ngoại tên là Võ H tặng cho, với giá 280 triệu đồng để trừ nợ với anh H. Việc vợ anh là chị Phan Đ ký tên trong hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vào ngày 31/8/2015 là do công chứng viên yêu cầu, vì anh với chị Đ là vợ chồng cùng hộ khẩu. Về hợp đồng tặng cho từ bà ngoại Võ H sang cho anh là do anh đang thiếu nợ anh H, nên anh có chở ngoại ra Ủy ban nhân dân xã B để làm thủ tục tặng cho, lúc đó bà đã bị lừa, lẫn tay vào giấy tờ là ở nhà, không có cán bộ Tư pháp xã chứng kiến, sau đó anh trực tiếp mang hợp đồng ra xã chứng thực, anh chở bà ngoại lại cho cán bộ thấy mặt. Sau đó thì thủ tục tặng cho hoàn tất. Do đó, anh yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Võ H với anh Nguyễn Nh; hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh Nguyễn Nh với anh Võ T, hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho anh Nh và anh T. Tại phiên tòa, anh Nh trình bày đã chuyển nhượng hết 04 thửa đất cho anh T và đã giao 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Bùi H (không có yêu cầu độc lập) trình bày: Anh không có quan hệ bà con với anh Nh và anh Tân. Vào năm 2015, anh Nh có tham gia chơi hụi do anh làm chủ, anh Nh đã kêu hốt và anh đã giao tiền hụi đầy đủ cho anh Nh. Do đó, giữa anh với anh Nh không có nợ hụi, cũng như không có liên quan đến khoản nợ nào khác, việc chuyển nhượng giữa anh Nh với anh T thì anh hoàn toàn không biết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn Phòng công N (do ông Bùi T đại diện, không có yêu cầu độc lập) trình bày: Vào ngày 31/8/2015, Văn phòng có nhận được hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bên chuyển nhượng

là anh Nguyễn Nh, chị Phan Đ và bên nhận chuyển nhượng anh Võ T, chuyển nhượng các thửa đất 1173, 962, 963, đất tọa lạc tại ấp S, xã B, huyện V, tỉnh Hậu Giang, sau khi xem xét hồ sơ, căn cứ vào quy định của Luật Công chứng năm 2014 và các quy định của Luật đất đai năm 2013, thì Văn phòng tiến hành công chứng hợp đồng. Trong hợp đồng không đề cập đến nhà trên đất. Do đó, Văn phòng thực hiện công chứng hợp đồng chuyển nhượng trên là hợp pháp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Hà D (không có yêu cầu độc lập) trình bày: Hiện nay chị đang giữ 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh T (số CH00384 và CH00385), để làm tin cho nghĩa vụ trả nợ giữa anh T đối với chị. Riêng trong vụ án này, chị không có yêu cầu gì nhưng có trình bày, khi nào anh T trả hết nợ cho chị thì chị mới giao 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lại.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn Hải (không có yêu cầu độc lập) trình bày: Từ tháng 8/2011 đến tháng 02/2018 ông giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B, huyện V, tỉnh Hậu Giang, anh Phạm V cán bộ địa chính Ủy ban nhân dân xã tham mưu và trình ký chứng thực hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Võ H với anh Nguyễn Nh, tại thời điểm chứng thực hợp đồng là đúng quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn T (không có yêu cầu độc lập) trình bày: Vào năm 1997, ông Nguyễn T kêu ông sang một miếng đất 03 công tầm 03 mét (không đo đạc), với giá 02 cây vàng 24K loại 98%, do là anh em nên không làm giấy tờ gì. Sau khi nhận đất do ông T giao, ông canh tác được khoảng 02 năm thì cô cho ông Nguyễn D, rồi sang đứt luôn cho ông Dân (số tiền có và sang thì không nhớ do lấy nhiều lần). Thời điểm sang bán, ông biết đây là đất do bà Võ H đứng tên, ông nghĩ do V cho ông T nên đồng ý mua, sau này ông T với ông Dân có làm thủ tục sang tên chưa thì ông không biết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn D, bà Nguyễn Thị D1 (không có yêu cầu độc lập) trình bày: Ông với bà Nguyễn Thị D1 là V chồng cùng đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 1172, có diện tích 3.770m². Nguồn gốc phần đất này, do cô của ông Nguyễn C, rồi sang đứt luôn; do ông C chưa được tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên sau khi sang đứt của ông C, đến năm 2015 ông liên hệ V anh Nh và chị Đ cùng đến Ủy ban nhân dân xã B làm thủ tục tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ký tên chuyển nhượng; Việc chuyển nhượng là sang hết thửa, không đo đạc; từ lúc có đất của ông C, đến khi sang và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông V sử dụng phần đất này, không có ai tranh chấp. Do đó, ông đề nghị Tòa án

bảo Vệ quyền lợi của ông. Bà D1 thống nhất với ý kiến của ông D V không có ý kiến hay yêu cầu gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn P, bà Nguyễn Đ (không có yêu cầu độc lập) trình bày: Cha các bà là ông Nguyễn T (Liệt sĩ), mẹ là V (đã chết); cha mẹ sinh được 04 người con gồm: Nguyễn Q (chết, không có V con), Nguyễn P, Nguyễn Đ, bà Tr); cha mẹ bà không ai có con riêng V con nuôi; Vào năm 1979-1980 các bà có chồng về nhà chồng, sau đó Tr có chồng là Thông ở chung với mẹ, chăm sóc mẹ cho đến khi chết; mẹ các bà được cất nhà tình nghĩa, còn Th và Tr cất nhà cặp bên. Do đó, các bà không có ý kiến, yêu cầu gì trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn L (không có yêu cầu độc lập) trình bày: Chị là thành viên trong sổ hộ khẩu với bà Võ H, chị kêu V bằng dì, lý do chị có tên trong sổ hộ khẩu của V là do chị sống với bà ngoại tên Võ N, chị không có tạo lập gì đối Với đất của V nên chị không có quyền lợi gì, việc V tặng cho Nh quyền sử dụng đất chị không biết. Do đó, chị không có yêu cầu gì trong Vụ án này.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng: Có dấu hiệu lừa đảo, đề nghị chuyển Cơ quan điều tra; trường hợp không có dấu hiệu lừa đảo thì đề nghị công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa V với anh Nh vì V không bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự; anh T là người thứ ba nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ anh Nh ngay tình, nên giao dịch giữa anh T với anh Nh không bị vô hiệu, đề nghị công nhận hợp đồng chuyển nhượng giữa anh T với anh Nh, anh T đồng ý trả giá trị căn nhà tình nghĩa cho các bị đơn. Không đồng ý Với yêu cầu phản tố của bị đơn và yêu cầu độc lập của anh Nh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn cho rằng: Nguồn gốc đất cấp cho hộ bà Võ H, V bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, nên hợp đồng tặng cho giữa V với anh Nh Vô hiệu theo quy định tại Điều 130 của Bộ luật Dân sự năm 2005; ông T với bà Tr ở trên đất đó trên 35 năm, trên đất có nhà tình nghĩa cấp cho V, khi chuyển nhượng không có ý kiến của ông T V bà Tr, nên giao dịch giữa anh Nh Với anh T cũng vô hiệu theo. Đề nghị chấp nhận yêu cầu phản tố của các bị đơn.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 74/2020/DS-ST ngày 24 tháng 6 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện V, tỉnh Hậu Giang tuyên xử như sau:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Võ T đối Với bị đơn ông Nguyễn T và bà Nguyễn Tr về việc yêu cầu các bị đơn trả lại các

thửa đất số 962, 963 và 1173, thuộc tờ bản đồ số 02, ấp Z, xã B, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn T, V, bà Nguyễn Tr đối với nguyên đơn anh Võ T, V yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Võ H với anh Nguyễn Nh và yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh Nguyễn Nh và chị Phan Đ với anh Võ T.

3. Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Nh về yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Võ H với anh Nguyễn Nh và yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh Nguyễn Nh và chị Phan Đ với anh Võ T.

4. Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 19/09/2012 giữa bà Võ H Với anh Nguyễn Nh, do Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B, huyện V, tỉnh Hậu Giang chứng thực số 36, quyền số 01 TP/CC-SCT/HĐGD.

5. Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 31/8/2015 giữa anh Nguyễn Nh và chị Phan Đ Với anh Võ T do Văn phòng Công chứng Vị Thanh, địa chỉ số: Số A, đường N, khu vực S, phường F, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang công chứng số 312, quyền số 05 TP/CC-SCC/HĐGD.

6. Tuyên bố:

6.1. Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 19/09/2012 giữa bà Võ H Với anh Nguyễn Nh, do Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B, huyện V, tỉnh Hậu Giang chứng thực số 36, quyền số 01 TP/CC-SCT/HĐGD bị Vô hiệu. Buộc anh Nguyễn Nh có trách nhiệm giao lại các thửa đất số 962, 963 và 1173, tờ bản đồ số 02, thuộc ấp 09, xã B, huyện V, tỉnh Hậu Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00288, cấp ngày 08/12/1997 do hộ bà Võ H đứng tên cho các đồng thừa kế của bà Võ H (gồm các bà: Nguyễn P, Nguyễn Đ, Nguyễn Tr và chị Nguyễn E).

Đề nghị Cơ quan có thẩm quyền ghi chú Vào Sổ địa chính.

6.2. Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 31/8/2015 giữa anh Nguyễn Nh và chị Phan Đ Với anh Võ T do Văn phòng Công chứng V, địa chỉ số: Số A, đường N, khu vực S, phường F, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang công chứng số 312, quyền số 05 TP/CC-SCC/HĐGD bị Vô hiệu.

Đề nghị Cơ quan có thẩm quyền ghi chú Vào Sổ địa chính.

7. Buộc anh Nguyễn Nh và chị Phan Đ có nghĩa vụ trả lại cho anh Võ T số tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất là: 280.000.000đ (Hai trăm tám mươi

triệu đồng. Trách nhiệm cụ thể: anh Nh trả 140.000.000đ, chị Đạm trả 140.000.000).

8. Buộc anh Nguyễn Nh và chị Phan Đ có nghĩa Vụ bồi thường thiệt hại cho anh Võ T số tiền là: 140.751.600đ (Một trăm bốn mươi triệu bảy trăm năm mươi một ngàn sáu trăm đồng. Trách nhiệm cụ thể: anh Nh bồi thường 70.375.800đ, chị Đ bồi thường 70.375.800đ).

9. Đề nghị Ủy ban nhân dân có thẩm quyền cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Nguyễn D và bà Nguyễn D1, cho đúng hiện trạng sử dụng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí, lệ phí Tòa án, các quyền, nghĩa vụ về việc thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/7/2020, bị đơn ông Nguyễn T kháng cáo một phần bản án sơ thẩm yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Nguyễn Nh và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Võ T.

Ngày 08/7/2020, bị đơn bà Nguyễn Tr kháng cáo một phần bản án sơ thẩm yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Nguyễn Nh và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Võ T.

Ngày 08/7/2020, người có quyền lợi, nghĩa Vụ liên quan chị Phan Đ kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm tính lại lỗi mỗi bên dẫn đến hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Vợ chồng chị Với ông Võ T Vô hiệu.

Ngày 08/7/2020, nguyên đơn ông Võ T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bác yêu cầu phản tố của bị đơn, bác yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa Vụ liên quan.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn anh Võ T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Nguyễn T đồng thời là người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Tr trình bày: Phần đất tranh chấp có nguồn gốc là của cụ Võ G (chết năm 2012) và cụ Nguyễn N (chết năm 2005). Năm 1997, do già yếu nên cụ G và cụ N giao phần đất cho bà Võ H đại diện hộ gia đình đứng tên quyền sử dụng đất. Cụ G và cụ N vẫn sống chung nhà với V cho đến khi chết. Khi còn sống cụ G và cụ N có 05 người con chung gồm: Bà Võ H, bà Võ Thị Na, bà Võ H, bà Võ M còn 01 người đã chết, ông T không biết tên. Ông T rút lại

toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông và của bà Tr, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Nguyễn Nh đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của chị Phan Đ rút lại toàn bộ yêu cầu kháng cáo của chị Đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Không có căn cứ chứng minh bà Võ H không còn minh mẫn khi lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho anh Nguyễn Nh. Quá trình hòa giải tại ấp, xã, anh Nh khẳng định bà Võ H cho anh phần đất nên anh mới bán. Ủy ban nhân dân huyện V xác định Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Nh là đúng trình tự thủ tục, đúng pháp luật. Do đó, Việc bị đơn và anh Nh cho rằng hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa V Với anh Nh Vô hiệu là không có căn cứ. Đối Với căn nhà trên đất thì không chứng minh được là nhà của ông Thông, bà Tr hay nhà của V nên không thể cho rằng, Việc tặng cho quyền sử dụng đất giữa V Với anh Nh và Việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh T với anh Nh Vô hiệu do có căn nhà của ông T và bà Tr. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Võ T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Từ giai đoạn thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa Vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn T rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông Thông, bà Tr. Anh Nguyễn Nh là người đại diện theo ủy quyền của chị Phan Đ rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối Với yêu cầu kháng cáo của ông Thông, bà Tr, chị Đ.

Do đất tranh chấp được cấp cho hộ gia đình nên khi giải quyết Vụ án phải xác định thành Viên trong hộ gồm những ai. Công an huyện V xác định Vào năm 1995 thành Viên trong hộ bà Võ H chỉ có 02 người là V và chị Nguyễn Thị Cẩm Em nhưng trong Sổ hộ khẩu thì hộ của V có 04 người là: V, chị E, cụ Võ Văn Giỏi, cụ Nguyễn N. Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác định rõ thành Viên trong hộ gồm những ai nên không đưa các đồng thừa kế của cụ Năm, cụ Giỏi Vào tham gia tố tụng là Vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ về Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ Vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về trình tự, thủ tục:*

[1.1] *Xác định quan hệ pháp luật phải giải quyết trong vụ án:* Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn giao trả phần đất mà Vợ chồng anh Nguyễn Nh đã chuyển nhượng cho nguyên đơn. Bị đơn phản tố; người có quyền lợi, nghĩa Vụ liên quan có yêu cầu độc lập cùng yêu cầu Tòa án hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho anh Nh, anh T và cho rằng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất Vô hiệu vì hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Võ H với anh Nguyễn Nh là vô hiệu. Do đó, quan hệ pháp luật phải giải quyết trong Vụ án là “*Tranh chấp về đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất, tranh chấp Về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*” được quy định tại Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xác định quan hệ tranh chấp phải giải quyết trong vụ án: “*Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*” là thiếu quan hệ pháp luật nên Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định lại cho đúng.

[1.2] *Xác định về thẩm quyền:* Phần đất tranh chấp tọa lạc tại huyện V, tỉnh Hậu Giang nên Tòa án nhân dân huyện V thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[1.3] *Về sự vắng mặt của các đương sự:* Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Văn phòng Công chứng V, ông Phạm H, ông Bùi H, bà D, ông D, bà Nguyễn D1, bà Nguyễn P, bà Nguyễn Đ, bà Nguyễn L, ông Nguyễn Th xin được vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b, d khoản 2 Điều 227, các khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử xét xử Vắng mặt các đương sự có tên nêu trên.

[2] Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 08/7/2020, bị đơn ông Nguyễn T, bà Nguyễn Tr kháng cáo một phần bản án sơ thẩm yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Nguyễn Nh và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Võ T.

Ngày 08/7/2020, người có quyền lợi, nghĩa Vụ liên quan chị Phan Đ kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm tính lại lỗi mỗi bên dẫn đến hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Vợ chồng chị Với ông Võ T Vô hiệu.

Ngày 08/7/2020, nguyên đơn ông Võ T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bác yêu cầu phản tố của bị đơn, bác yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa Vụ liên quan.

Xét thấy, các đơn kháng cáo hợp lệ và còn trong thời hạn theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của các đương sự Hội đồng xét xử nhận thấy:

Xét quan hệ pháp luật về đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất. Hội đồng xét xử xét thấy, anh Nguyễn Nh được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã chuyển nhượng cho nguyên đơn anh Võ T, được Ủy ban nhân dân huyện V xác nhận và điều chỉnh trang tư giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sang tên anh Tân, Về hình thức và nội dung chuyển nhượng là đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, bị đơn phản tố cho rằng hợp đồng chuyển tên tặng cho giữa bà Võ H sang anh Nguyễn Nh là có sự giả tạo và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên Nguyễn Nh nên cần xem xét lại hợp đồng tặng cho này.

[3.1] *Hình thức hợp đồng*: Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Võ H Với anh Nguyễn Nh, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh Nguyễn Nh Với anh Võ T được lập thành Văn bản, có công chứng, chứng thực đúng theo qui định tại khoản 2 Điều 689 của Bộ luật dân sự năm 2005.

[3.2] *Về nội dung của hợp đồng*: Phần đất mà các bên tranh chấp được cấp cho hộ bà Võ H Vào ngày 18/12/1997. Tại khoản 29 Điều 3 Luật đất đai năm 2013 quy định: “*Hộ gia đình sử dụng đất là những người có quan hệ hôn nhân, huyết thống, nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật Về hôn nhân và gia đình, đang sống chung và có quyền sử dụng đất chung tại thời điểm được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất; nhận chuyển quyền sử dụng đất*”. Bên cạnh đó, theo qui định tại Điều 118 của Bộ luật Dân sự năm 1995; Điều 108; Khoản 2, Điều 109, Điều 216, Điều 223 của Bộ luật Dân sự năm 2005, trường hợp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho hộ gia đình thì tất cả mọi thành Viên trong hộ gia đình có quyền sử dụng chung; khi chuyển quyền sử dụng đất phải có sự đồng ý của tất cả thành Viên trong hộ.

Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ theo trích lục tàng thư hộ khẩu của bà Võ H lập ngày 20/5/1995 để xác định thành viên hộ bà Võ H gồm có 02 thành Viên: Võ H và Nguyễn E là chưa đủ căn cứ vững chắc. Bởi lẽ, theo Sổ hộ khẩu của hộ bà Võ H được cấp ngày 06/9/1995 (BL 60) thì tại thời điểm hộ V được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong hộ V có 04 người là: Bà Võ H (chủ hộ) cụ Võ G (cha của V), cụ Nguyễn N (mẹ của V) được chuyển đến ngày 12/11/1997 và chị

Nguyễn Thị Cẩm Em (cháu của V). Như vậy, Sổ hộ khẩu và Trích lục tàng thư hộ khẩu của bà Võ H đã có sự mâu thuẫn. Với nhau và không thể chỉ căn cứ Vào Sổ hộ khẩu hay Trích lục tàng thư hộ khẩu để xác định thành viên trong hộ sử dụng đất. Mục 4 phần III của Giải đáp nghiệp vụ số: 01/2017/GĐ-TANDTC ngày 07/4/2017 của Tòa án nhân dân Tối cao có hướng dẫn như sau: *“... khi giải quyết vụ án dân sự mà cần xác định thành viên của hộ gia đình có quyền sử dụng đất cần lưu ý: Thời điểm để xác định hộ gia đình có bao nhiêu thành viên có quyền sử dụng đất là thời điểm được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất; nhận chuyển quyền sử dụng đất. Việc xác định ai là thành viên hộ gia đình phải căn cứ vào hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trường hợp cần thiết, Tòa án có thể yêu cầu Ủy ban nhân dân có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xác định thành viên hộ gia đình tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm căn cứ giải quyết vụ án và đưa họ tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan”*.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn E xác nhận chị không có quyền lợi hay nghĩa vụ gì đối với phần đất đang tranh chấp, chị có tên chung trong hộ V là do chị sống chung nhà Với ông bà ngoại của chị từ nhỏ (tức là chị Em sống chung với cụ G và cụ N nên có tên trong hộ khẩu). Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn T đồng thời là người đại diện cho bà Nguyễn Tr xác nhận, đất mà V đứng tên chủ sử dụng có nguồn gốc là của cụ G và cụ N, do lớn tuổi nên hai cụ để V đại diện gia đình đứng tên chủ sử dụng đất. Do đó, căn cứ Vào các quy định của pháp luật nêu trên, có căn cứ xác định cụ G, cụ N là thành viên trong hộ và cùng là chủ sử dụng đất. Tại thời điểm anh Nguyễn Nh được bà Võ H lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất thì cụ N, cụ Giỏi đã chết.

Như vậy, Về thủ tục, khi giải quyết vụ án, Tòa án phải xác định cụ Năm, cụ Giỏi có người thừa kế nào không để đưa họ Vào tham gia tố tụng. Từ đó cho thấy Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác định được đầy đủ thành viên trong hộ sử dụng đất Võ H, chưa đưa đầy đủ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vào tham gia vụ án là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T thừa nhận khi ông cưới bà Tr về sống chung vào năm 1985 thì đã có nhà của V trên đất. Sau này Nhà nước cấp thêm một căn nhà tình nghĩa cặp bên nhà V. Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa với anh Nh vô hiệu vì không có thỏa thuận về quyền của người thứ ba đối Với đất trong khi trên đất có nhà của ông Thông, bà Tr và nhà tình nghĩa là chưa đủ cơ sở vững chắc. Bởi lẽ, Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập

chứng cứ đầy đủ để xác định căn nhà đang ở trên đất có phải nhà của ông Tbà Tr hay không.

[3.3] Bị đơn phản tố yêu cầu Tòa án hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Võ H Với anh Nguyễn Nh; hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh Nguyễn Nh, chị Phan Đ Với anh Võ T; hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất biến động sang tên cho anh Nguyễn Nh và anh Võ T.

Như vậy khi xem xét yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Võ H Với anh Nguyễn Nh có ảnh hưởng đến phần đất tại thửa 1172 mà ông Nguyễn Văn Dân, bà Nguyễn Thị D1 đang canh tác, đứng tên quyền sử dụng đất. Bởi lẽ phần đất này ông T, bà Tr chuyển nhượng cho ông Th; ông Th chuyển nhượng lại cho Vợ chồng ông D bằng giấy tay và đến năm 2015, anh Nh sau khi đứng tên quyền sử dụng toàn bộ phần đất của hộ V đã ký tên chuyển nhượng phần đất cho vợ chồng ông D (hợp thức hóa giấy tờ). Qua xem xét hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy ông Thông, bà Tr không phải là chủ sử dụng đất Vì chưa phải là thành viên trong hộ V, không có quyền chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho người khác. Trong vụ án này, giao dịch đối Với thửa đất 1172 giữa ông Thông, bà Tr với ông Thắng, giữa ông Thắng Với ông Dân không có tranh chấp, không ai yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng tại phần quyết định của bản án lại tuyên *“Đề nghị Ủy ban nhân dân có thẩm quyền cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Nguyễn D và bà Nguyễn D1, cho đúng hiện trạng sử dụng”*. Việc tuyên án liên quan đến thửa 1172 là vượt quá phạm vi khởi kiện, yêu cầu của các đương sự trong vụ án, vi phạm qui định về quyền tự định đoạt của các đương sự theo quy định tại Điều 5 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Ngoài ra, với phán quyết này của Tòa án cấp sơ thẩm có thể gây hiểu nhầm cho người dân là Tòa án đã công nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất 1172 cho vợ chồng ông D và việc giao dịch liên quan đến thửa đất 1172 là đúng qui định.

Trong trường hợp này Tòa án cấp sơ thẩm tách thửa 1172 ra giải quyết thành vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu mới phù hợp.

[3.4] Tại phần quyết định của bản án có tuyên giao phần đất tranh chấp cho các đồng thừa kế của bà Võ H (gồm các bà: Nguyễn Thị Phụng, Nguyễn Thị Đào, Nguyễn Tr và chị Nguyễn Thị Cẩm Em) là không đúng. Bởi Vì, phần đất còn có thể có các đồng sở hữu khác là người thừa kế của cụ Giỏi và cụ Năm.

[3.5] *Quá trình thực hiện tố tụng của Tòa án cấp sơ thẩm:* Ngày 22/01/2018, Tòa án cấp sơ thẩm ban hành quyết định tạm đình chỉ (BL 129), đến ngày 11/10/2018 ban hành Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án (BL 130) tuy nhiên, cả hai quyết định này đều không được tổng đạt cho các đương sự theo qui định tại khoản 2 Điều 214 và Điều 216 của Bộ luật tố tụng dân sự là có thiếu sót.

[3.6] Trong quá trình giải quyết vụ án, nếu có căn cứ chính xác hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì Tòa án cấp sơ thẩm chuyển hồ sơ về Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang giải quyết theo thẩm quyền. Bởi Vì, công văn số 139/TA-PNV ngày 07/5/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang có trả lời cho Tòa án nhân dân huyện V “ Tài liệu có trong hồ sơ chưa đủ cơ sở cho rằng Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang”. Như vậy, Công Văn 139/TA-PNV xác định “chưa” đủ cơ sở cho rằng, Vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án cấp tỉnh, Vì vậy quá trình Nghị án nếu xét thấy phải xác định hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất Vô hiệu, phải khôi phục lại tình trạng ban đầu thì thuộc trường hợp phải hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên Nguyễn Nh để cấp lại giấy tên hộ Võ H mà không thuộc trường hợp “ghi chú Vào sổ địa chính” được. Mặt khác, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên Vừa hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất; Vừa tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất Vô hiệu là chưa chính xác.

[3.7] Tòa án cấp sơ thẩm tuyên hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Có nghĩa, các bên phải khôi phục lại tình trạng ban đầu, trong khi đó chị Hà Thị Ngọc Dung đang giữ 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh Võ T mà không buộc chị Dung có nghĩa vụ giao lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (nếu có liên quan đến phần đất tranh chấp) là có thiếu sót và khó khăn trong Việc thi hành bản án sau này.

[4] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác định được chính xác, đầy đủ thành viên trong hộ sử dụng đất; chưa đưa đầy đủ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vào tham gia tố tụng; giải quyết vượt quá phạm vi khởi kiện, yêu cầu của đương sự, vi phạm qui định Về quyền tự định đoạt của các đương sự. Bên cạnh đó, Tòa án cấp sơ thẩm còn có sai sót trong việc tổng đạt Quyết định tạm đình chỉ, quyết định tiếp tục giải quyết vụ án cho các đương sự gây ảnh hưởng đến quyền kháng cáo của các đương sự đối với các quyết định này.

Với những vi phạm và thiếu sót của Tòa án cấp sơ thẩm, Hội đồng xét xử phúc thẩm không thể khắc phục được. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát, hủy Bản án sơ thẩm, chuyển toàn bộ hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện V xét xử lại vụ án theo đúng qui định của pháp luật.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm bị hủy nên không ai phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm và lệ phí, chi phí tố tụng chưa ai phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Vào khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 74/2020/DS-ST ngày 24/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hậu Giang xét xử Vụ án “Tranh chấp Về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” giữa nguyên đơn: Ông Võ T; bị đơn ông Nguyễn T, bà Nguyễn Tr; giao hồ sơ Vụ án cho Tòa án nhân dân huyện V xét xử lại theo qui định của pháp luật.

2. Án phí dân sự sơ thẩm; chi phí, lệ phí Tòa án: Chưa ai phải chịu và sẽ được xem xét khi xét xử lại Vụ án.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Không ai phải nộp.

Anh Võ T được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà ông T đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001111 ngày 13/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Hậu Giang.

Bà Nguyễn Tr được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà bà Tr đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001106 ngày 10/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Hậu Giang.

Ông Nguyễn T được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà ông T đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001105 ngày 10/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Hậu Giang.

Chị Phan Đ được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà chị Đ đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001104 ngày 10/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Hậu Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 07/4/2021.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồ Tâm Tú

